

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----  
*Bản án số: 145/2022/ST – HNGĐ  
Ngày 27 tháng 9 năm 2022  
“V/v Yêu cầu ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Văn Tú và bà Nguyễn Thị Hoa

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm M Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Hiếu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2022/TLST – HNGĐ ngày 15/7/2022 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị N – Sinh năm: 1985***

Trú tại: Bản T, xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

***2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G – Sinh năm: 1981***

Trú tại: Thôn 10, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị N vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Hà Thị N trình bày:***

Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Văn G kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, trong cuộc sống không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm

2004 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn M – Sinh ngày 27/11/2003. Nay cháu M đã trưởng thành nên chị N không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung gì và không nợ ai. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn G vắng mặt nên không có ý kiến gì.*

- *Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng bà Nguyễn Thị H vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã trình bày:*

Anh Nguyễn Văn G là con trai của bà H, chị N là con dâu. Anh G và chị N kết hôn vào năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng G và N sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Trong thời gian ly thân thời gian đầu anh G ở nhà cùng với bà H sau đó vào Miền Nam làm ăn, còn chị N về nhà cha mẹ để ở bản T, xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An. Khi đi Miền Nam làm ăn sinh sống anh G có nói cho bà H biết, trong thời gian đi làm ăn ở Miền Nam anh G thỉnh thoảng có về thăm gia đình còn bình thường liên lạc với bà H qua điện thoại. Việc chị N yêu cầu ly hôn thì anh G có biết vì vào tháng 7 năm 2022 khi anh G về thăm nhà thì Tòa án có giao giấy tờ liên quan đến việc ly hôn cho G, sau đó G đi vào Miền Nam thì các giấy tờ tiếp theo tôi nhận và đều thông báo cho G biết. Sau khi biết thông tin chị N yêu cầu ly hôn thì G đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Tuy nhiên, hiện tại do làm việc ở xa và không có điều kiện để về giải quyết vụ án được. Nên anh G đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị N và anh G có 01 con chung là Nguyễn Văn M – Sinh ngày 27/11/2003, nay cháu M đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ: Anh G và chị N không có tài sản chung gì và không nợ ai.

- *Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

\* Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, và xét xử. Bị đơn đã được tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt

nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn G

+ Về nuôi con chung: Con chung đã trưởng thành, nay ly hôn chị N không yêu cầu gì về con chung.

+ Về tài sản chung và nợ: Không

+ Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án “Yêu cầu ly hôn” mà bị đơn cư trú tại xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn G vắng mặt tại địa pH, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan trong vụ án ly hôn giữa chị N và anh G cho bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh G nhận và bà H đã báo lại cho anh G biết. Mặc dù, anh G biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị N nhưng anh G không có mặt và không cung cấp địa chỉ cư trú, nơi làm việc cho chị N và Tòa án biết. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh G vẫn cố tình vắng mặt, còn chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

*[2] Về nội dung vụ án:*

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Văn G kết hôn với nhau vào năm 2003 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, thường

xuyên xảy ra tranh cãi. Nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị N và anh G không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh G.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị N và anh G đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó hôn nhân giữa chị N và anh G lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh G là đồng ý ly hôn.

*[2.2]. Về nuôi con chung:*

Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Văn G có 01 con chung là Nguyễn Văn M – Sinh ngày 27/11/2003. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên chị N không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

*[2.3]. Về tài sản chung và nợ:*

Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Văn G không có tài sản chung gì và không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*[2.4]. Về án phí:*

Chị Hà Thị N phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Áp dụng:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**2. Tuyên xử:**

**2.1 Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

**2.2 Về án phí:** Chị Hà Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0000194 ngày 15/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND A;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *UBND xã M, huyện C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

**Hoàng Thị Lệ Hằng**



